

Số: /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày tháng 6 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán
Công trình: Nâng cấp tuyến đường từ đường tránh Đông đi Thu Xà**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 28/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư và xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1170/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 1923/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Nâng cấp tuyến đường từ đường tránh Đông đi Thu Xà;

Xét đề nghị của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi tại Tờ trình số 169/TTr-BQL ngày 26/4/2019 về việc về việc thẩm định, trình phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình Nâng cấp tuyến đường từ đường tránh Đông đi Thu Xà và Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại thông báo kết quả thẩm định số 1581/SGTVT-QLCL ngày 20/6/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình Nâng cấp tuyến đường từ đường tránh Đông đi Thu Xà, với các nội dung chính như sau:

1. Tên công trình: Nâng cấp tuyến đường từ đường tránh Đông đi Thu Xà.
2. Thuộc dự án: Nâng cấp tuyến đường từ đường tránh Đông đi Thu Xà.
3. Loại và cấp công trình: Công trình giao thông, cấp III.
4. Địa điểm xây dựng: Thành phố Quảng Ngãi và huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Nhà thầu lập báo cáo khảo sát và thiết kế bản vẽ thi công và dự toán: Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng công trình Thiên Phúc.

6. Chủ nhiệm, các chủ trì khảo sát, thiết kế và dự toán xây dựng:

- Chủ nhiệm dự án: Ks. Võ Duy Thiện.
- Chủ trì khảo sát địa hình: Ks. Nguyễn Hữu Tường.
- Chủ trì thiết kế: Ks. Nguyễn Thành Thái.
- Chủ trì dự toán: Ks. Trương Thị Ái Vy.

7. Nhà thầu thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán hạng mục Hạ tầng kỹ thuật: Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Minh Trung.

8. Quy mô, chỉ tiêu kỹ thuật và giải pháp thiết kế chủ yếu của công trình:

8.1. Quy mô, chỉ tiêu kỹ thuật:

- Chiều dài tuyến: L = 8.994m.
- Điểm đầu: Tại Km0 (giao với tuyến QL1) thuộc địa phận phường Nghĩa Chánh, thành phố Quảng Ngãi.
- Điểm cuối: Tại Km8+994,2 giao với đường BTXM thuộc thôn Thu Xà, xã Nghĩa Hòa, huyện Tư Nghĩa.
- Các thông số kỹ thuật chủ yếu:

TT	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn vị	Đoạn Km0+00 - Km8+380,63	Đoạn Km8+380,63 - Km8+994,17
I	Công trình giao thông		Tiêu chuẩn TCVN 4054-2005	
1	Chiều dài tuyến đường	m	8.994	
2	Cấp, loại đường		Cấp IV (đồng bằng)	Cấp V (đồng bằng)
3	Tốc độ thiết kế	Km/h	60	40
4	Trục xe tính toán tiêu chuẩn	KN	100	
5	Bề rộng nền đường	m	9,0	7,5
6	Bề rộng mặt đường	m	7,5	5,5
7	Bề rộng lề đường	m	2×0,75	2×1,0
8	Kết cấu mặt đường		Bê tông nhựa	
9	Mô đun đàn hồi yêu cầu	kN	140	
10	Kết cấu lề đường (phần không gia cố)		Đắp đất đầm chặt K95	
11	Độ dốc mặt đường	%	2	
12	Độ dốc lề đường	%	4 (hướng ra ngoài taluy)	
13	Độ dốc dọc lớn nhất	%	7	8
14	Độ dốc siêu cao lớn nhất	%	7	6
15	Bán kính đường cong nằm nhỏ nhất Rmin	m	125	60
II	Thoát nước ngang			
1	Tải trọng thiết kế công, cầu nhỏ	Đoàn xe	H30-XB80	

2	Tần suất thiết kế cống, cầu nhỏ	%	4
3	Khổ cống	m	Phù hợp với khổ nền đường
III	Thoát nước dọc		Theo bình đồ tuyến đường
1	Tải trọng thiết kế	Đoàn xe	H30-XB80

- Hệ thống an toàn giao thông.

8.2. Giải pháp thiết kế:

8.2.1. Hạng mục công trình giao thông:

a) Bình đồ: Bình đồ tuyến được thiết kế theo tiêu chuẩn đường cấp IV, V đồng bằng đảm bảo các thông số kỹ thuật và mỹ quan của tuyến đường. Tim tuyến cơ bản bám theo tim tuyến hiện trạng.

b) Trắc dọc: Cao độ đường đỏ được thiết kế trên cơ sở cao độ mặt đường hiện trạng, theo phương án tận dụng tối đa mặt đường cũ để tăng cường kết cấu áo đường mới, phù hợp với bình đồ, trắc ngang thiết kế và thiết kế cơ sở được duyệt, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo cấp hạng tuyến đường thiết kế.

c) Trắc ngang:

- Đối với đoạn Km0 - Km8+380,63: Trắc ngang được thiết kế với quy mô bề rộng nền đường $B_n = 9m$; bề rộng mặt đường $B_m = 7,5m$; bề rộng lề đường $B_l = 2 \times 0,75m$.

- Đối với đoạn Km8+380,63 - Km8+994,17: Trắc ngang được thiết kế với quy mô bề rộng nền đường $B_n = 7,5m$; bề rộng mặt đường $B_m = 5,5m$; bề rộng lề đường $B_l = 2 \times 1m$.

- Độ dốc mặt đường $i_m = 2\%$, độ dốc lề đường $i_l = 4\%$.

d) Nền đường:

- Phạm vi nằm trong phần mặt đường cũ: Tận dụng tối đa mặt đường cũ để tăng cường kết cấu áo đường theo thiết kế.

- Phạm vi mở rộng (nằm ngoài phần mặt đường cũ): Phạm vi nền đào mở rộng, đào khuôn đến cao trình thiết kế và thay bằng lớp đất đồi chọn lọc đầm chặt $K \geq 0,98$ dày 50cm, sau khi lu lèn nền tự nhiên đạt độ chặt $K \geq 0,95$; Phạm vi nền đắp mở rộng, vét hữu cơ, bóc đất phong hóa dày 0,3m và đắp trả bằng đất đồi chọn lọc đầm chặt $K \geq 0,95$, 50cm trên cùng đắp đất đầm chặt $K \geq 0,98$, đánh cấp với bề rộng $B = 1,0m$ đối với vị trí mái dốc nền tự nhiên $>20\%$ trước khi đắp đất nền đường; gia cố mái taluy nền đường tại những đoạn nền đắp cao $H \geq 2,0m$ bằng bê tông M150; mái đào $m = 1:1,0$, mái đắp $m = 1:1,5$.

- Ngoài ra, đối với những đoạn nền đường qua ruộng, đất yếu, nền đọng nước thường xuyên thì xử lý đắp trả bằng cát với bề dày hợp lý, hoặc có giải pháp gia cố nền thích hợp để đảm bảo ổn định nền đường.

e) Mặt đường: Mặt đường cấp cao A1, thiết kế các lớp kết cấu (từ trên xuống) như sau:

- Đối với đoạn tuyến mặt đường cũ kết cấu đá dăm láng nhựa: Lớp BTNC 12,5 dày 5cm; Lớp BTNC 19 dày 7cm; Bù vênh cấp phối đá dăm loại 1 $D_{max} = 25\text{mm}$ dày trung bình 15cm hoặc móng cấp phối đá dăm loại I dày 35 cm (đối với phần mở rộng).

- Đối với đoạn tuyến mặt đường cũ kết cấu BTXM: Lớp BTNC 12,5 dày 5cm; Lớp BTNC 19 dày 7cm; Bù vênh bằng BTNC 19 hoặc BTNR 25; lớp lưới cốt sợi thủy tinh 100x100 KN/m; mặt đường BTXM cũ được thổi sạch hoặc bê tông xi măng M250 dày 20cm trên lớp cấp phối đá dăm loại 1 dày 15cm (đối với phần mở rộng).

- Đối với đoạn tuyến mặt đường cũ kết cấu bê tông nhựa:

+ Phần trên mặt đường cũ: Giữ nguyên kết cấu bê tông nhựa cũ.

+ Phần mở rộng: Lớp BTNC 19 dày 7cm; Lớp cấp phối đá dăm loại 1 dày 35cm.

f) Bó vỉa: Bằng bê tông M300, chiều cao bó vỉa $h = 15\text{cm}$.

g) Nút giao thông: Bố trí tại các đường dân sinh hiện hữu và nút theo thiết kế cơ sở được duyệt; thiết kế nút giản đơn, giao cắt cùng mức, vuốt nổi êm thuận và đảm bảo an toàn giao thông.

h) Thoát nước ngang: Tổng cộng trên tuyến hiện trạng có 17 cống và 03 công trình cầu; trong đó tận dụng 06 cống và 03 công trình cầu, mở rộng 07 cống, nối 02 cống, đầu tư mới 02 cống (gồm 01 Cống hộp $2\text{m} \times (3 \times 3)\text{m}$ tại Km3+209,9 và 01 cống hộp $1\text{m} \times (2 \times 1)\text{m}$ tại Km6+588,1); kết cấu cụ thể như sau:

- Cống hộp: Thân cống bằng BTCT M300, móng thân cống bằng bê tông M150, bản mặt cống tăng cường lớp BTCT M300, bản dẫn BTCT M250 trên lớp đệm cấp phối đá dăm, đắp cát 2 bên cống đầm chặt K95.

- Mở rộng cống bản: Móng, thân cống, tường cánh bằng bê tông M150; xà mũ bằng BTCT M250, thanh giằng bằng bê tông M150, bản dẫn bằng BTCT M250.

- Cống nối: Nối cống bằng cống có khẩu độ bằng cống hiện trạng, tường đầu, tường cánh bằng bê tông M150.

8.2.2. Hạng mục Hạ tầng kỹ thuật: Theo kết quả thẩm định của Sở Xây dựng tại Công văn số 1630/SXD-ĐT&HT ngày 06/6/2019.

Thiết kế nằm dưới lòng đường sát với gờ bó vỉa (nằm trong phần mở rộng) đối với các đoạn qua khu dân cư, bố trí một bên đường đối với các đoạn đường hiện hữu có kết cấu mặt là BTXM và hai bên đường đối với kết cấu mặt là bê tông nhựa. Sử dụng cống tròn ly tâm BTCT đúc sẵn có đường kính $\varnothing(400 - 1000)$, toàn bộ cống dưới đường chịu tải trọng H30-XB80, nối cống bằng gioăng cao su kết hợp chèn vữa. Hệ thống thoát nước được thu gom và thoát các tuyến mương, kênh hiện trạng, độ dốc dọc tuyến $i = (0,1 - 0,54)\%$ (bám theo cao độ tuyến đường hiện trạng. Giếng thăm bằng BTCT (bê tông đá 1x2 M200), đan đáy giếng thăm bằng đan BTCT (bê tông đá 1x2 M250) kết hợp đan gang định hình; hố thu bằng bê tông đá 1x2 M250, đáy đan song gang chắc rác; đối với đoạn có khả năng xâm nhập nước mặt sử dụng đan và lưới chắn rác bằng composite để đáy giếng thăm và hố thu.

8.3. Bảo vệ môi trường, sinh thái, phòng chống cháy nổ và an toàn lao động: Có thuyết minh giải pháp bảo vệ môi trường trên công trình, thiết kế phòng chống cháy nổ và an toàn lao động trong thi công đảm bảo yêu cầu.

9. Giá trị dự toán xây dựng công trình: **135.000.000.000 đồng.**

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	84.835.855.000 đồng.
- Chi phí quản lý dự án:	1.497.555.000 đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	4.728.071.000 đồng.
- Chi phí bồi thường, GPMB:	22.000.000.000 đồng.
- Chi phí khác:	5.935.393.000 đồng.
- Chi phí dự phòng:	16.003.126.000 đồng.

Điều 2. Căn cứ Quyết định này, Chủ đầu tư có trách nhiệm:

1. Căn cứ vào khối lượng và biện pháp thi công thực tế, các chế độ chính sách hiện hành làm cơ sở quản lý, nghiệm thu thanh toán theo đúng qui định của pháp luật về xây dựng; quản lý chặt chẽ kinh phí của dự án trong phạm vi dự toán công trình được duyệt.

2. Thực hiện tiết kiệm 10% trên tổng mức đầu tư theo Nghị Quyết số 70/NQ-CP ngày 03/8/2017 của Chính phủ.

3. Thực hiện các nội dung kiến nghị của Sở Giao thông vận tải tại Văn bản số 1581/SGTVT-QLCL ngày 20/6/2019.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông vận tải; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Tài nguyên Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND thành phố Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND huyện Tư Nghĩa; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi và Thủ trưởng các sở, ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: TH, CBTH;
- Lưu: VT, CNXD.npb.467.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tăng Bính